

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 12/TTC-BH/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: Công ty cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa

Địa chỉ: Xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại: [+84 – 276] 375 3250

Fax:

E-mail: thongtin.ttc@ttcagris.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 3900244389

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **ĐƯỜNG TINH LUYỆN HẠT NHUYỄN**

2. Thành phần: Đường mía 100%

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Sử dụng tốt nhất trước 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất được in trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Bao 50 kg

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được chứa trong bao PE, bên ngoài là bao PP.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

5.1. Xuất xứ: Việt Nam

5.2. Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA

Địa chỉ: Xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

5.3. Sản phẩm được sản xuất và đóng gói tại:

Cơ sở 1: Công ty cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa

Địa chỉ: Xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “G” sau ngày sản xuất

Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy G

Cơ sở 2: Công ty cổ phần Hàng Tiêu Dùng Biên Hòa

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “A” sau ngày sản xuất

Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy A



Cơ sở 3: Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu AgriS Ninh Hòa

Địa chỉ: Thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “D” sau ngày sản xuất

Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy D

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 8-2:2011/BYT về giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm do Bộ Y tế ban hành

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng arsen (As)	mg/kg	1,0
2	Hàm lượng cadmi (Cd)	mg/kg	1,0
3	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	0,5
4	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

2. Thông tư của các bộ, ngành:

- Thông tư 50/2016/TT-BYT quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm do Bộ Y tế ban hành

STT	Tên thuốc bảo vệ thực vật (Tên hoạt chất)	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật
1	2,4 – D	mg/kg	0,05
2	Aldicarb	mg/kg	0,1
3	Azinphos – Methyl	mg/kg	0,2
4	Carbofuran	mg/kg	0,1
5	Chlorantraniliprole	mg/kg	0,5
6	Clothianidin	mg/kg	0,4
7	Cyhalothrin	mg/kg	0,05
8	Cypermethrins	mg/kg	0,2
9	Dicamba	mg/kg	1
10	Ethoprophos	mg/kg	0,02
11	Glyphosate	mg/kg	2
12	Imazapic	mg/kg	0,01
13	Isoxaflutole	mg/kg	0,01
14	Mesotrione	mg/kg	0,01
15	Novaluron	mg/kg	0,5

0244
ÔNG T
Ô PH
I TH
IÊN H
AU-T

STT	Tên thuốc bảo vệ thực vật (Tên hoạt chất)	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật
16	Propiconazole	mg/kg	0,02
17	Tebufozide	mg/kg	1
18	Trinexapac - ethyl	mg/kg	0,5

- Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa

- Nghị định 111/2021/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa

3. Tiêu chuẩn nhà sản xuất:

3.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Kích thước tinh thể tương đối đồng đều, toi khô.
- Màu sắc: Tinh thể màu trắng, khi pha vào nước cất cho dung dịch trong suốt.
- Mùi vị: Tinh thể đường hoặc dung dịch đường trong nước có vị ngọt, không có mùi vị lạ.

3.2. Các chỉ tiêu hóa lý:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Độ Pol	°Z	≥ 99,8
2	Độ màu	Đơn vị ICUMSA	≤ 30
3	Độ ẩm	% khối lượng	≤ 0,05
4	Hàm lượng đường khử	% khối lượng	≤ 0,04
5	Độ tro dẫn điện	% khối lượng	≤ 0,04
6	Hàm lượng lưu huỳnh dioxit (SO ₂)	mg/kg	≤ 2

3.3. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản và thông tin cảnh báo:

- Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp và dùng trong chế biến thực phẩm.
- Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát. Tránh nơi ẩm, nhiệt độ cao và dưới ánh nắng mặt trời.
- Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng.



Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tây Ninh, ngày 05 tháng 10 năm 2024

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP



NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN





200 mm

30 mm

MIMOSA - ĐƯỜNG RE HẠT NHUỖN 50 KG



100 mm



ĐƯỜNG TINH LUYỆN HẠT NHUỖN CASTER REFINED SUGAR

KHỐI LƯỢNG TINH (NET WEIGHT): 50 kg
THÀNH PHẦN: ĐƯỜNG MÍA 100%

Sản phẩm của
CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA
Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Website: www.ttcagris.com.vn
Xuất xứ: Việt Nam



TU HẠO LÀ THÀNH VIÊN



HOTLINE
(0276) 375 3250



- SỬ DỤNG TRỰC TIẾP VÀ DÙNG TRONG CHẾ BIẾN THỰC PHẨM
- BẢO QUẢN NƠI KHÔ RÁO, THÔNG MÁT. TRÁNH NƠI ẨM, NHIỆT ĐỘ CAO VÀ DƯỚI ẢNH NẮNG MẶT TRỜI
- THÔNG TIN CẢNH BÁO: KHÔNG SỬ DỤNG SẢN PHẨM KHI CÓ DẤU HIỆU HƯ HỎNG
- NGÀY SẢN XUẤT ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ
- SỬ DỤNG TỐT NHẤT TRƯỚC 24 THÁNG KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT



NSX/MFG: 08/08/15 EBC 1234567

30 mm

MIMOSA - ĐƯỜNG RE HẠT NHUỖN 50 KG

KT3-09443ATP3/2-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

09/01/2024
Page 01/02

1. Tên mẫu : ĐƯỜNG TINH LUYỆN HẠT NHUYỄN
Name of sample CASTER REFINED SUGAR
NSX/MFG: 11/12/2023
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu
Sample description do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer,
sample name and sample information were supplied by customer.
Mẫu đựng trong bao bì ép kín.
As received sample is contained in sealed package.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 27/12/2023
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 28/12/2023 - 09/01/2024
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA
Customer Xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / See page 02/02
Test results

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet

KT3-09443ATP3/2-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

09/01/2024
Page 02/02

7. Kết quả thử nghiệm / Test results :

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Hàm lượng cadimi, Cadmium content	mg/kg AOAC 2019 (2013.06)	1,00x10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.2. Hàm lượng chì, Lead content	mg/kg QTTN/KT3 196 : 2018 (Ref: AOAC (2013.06))	2,00 x 10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.3. Hàm lượng asen tổng số, Total arsenic content	mg/kg TCVN 8427 : 2010	1,00x10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.4. Hàm lượng thủy ngân, Mercury content	mg/kg QTTN/KT3 064 : 2016 (Ref: AOAC (971.21))	1,50x10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.5. Hàm lượng đồng, Copper content	mg/kg QTTN/KT3 295:2021 (Ref: AOAC (999.11))	0,12		Không phát hiện Not detected
7.6. Hàm lượng nhôm, Aluminium content	mg/kg QTTN/KT3 053 : 2017	0,50		Không phát hiện Not detected
7.7. Hàm lượng sắt, Iron content	mg/kg QTTN/KT3 295:2021 (Ref: AOAC (999.11))	0,30		Không phát hiện Not detected
7.8. Hàm lượng thiếc, Tin content	mg/kg QTTN/KT3 162 : 2017 (Ref: AOAC (985.16))	2,0		Không phát hiện Not detected
7.9. Hàm lượng antimon, Antimony content	mg/kg QTTN/KT3 197 : 2018 (Ref: AOAC 2015.06)	1,00 x 10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.10. Hàm lượng kẽm, Zinc content	mg/kg QTTN/KT3 295:2021 (Ref: AOAC 999.11)	0,12		Không phát hiện Not detected

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet

KT3-09443ATP3/2-6

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

09/01/2024
Page 01/04

- Tên mẫu
Name of sample : ĐƯỜNG TINH LUYỆN HẠT NHUỖN
CASTER REFINED SUGAR
NSX/MFG: 11/12/2023
- Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Mẫu đựng trong bao bì ép kín.
As received sample is contained in sealed package.
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 27/12/2023
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 28/12/2023 - 09/01/2024
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA
Xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
- Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / See page 02-04/04

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet

KT3-09443ATP3/2-6

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

09/01/2024
Page 02/04

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Cảm quan^(*)/ Sensory - Trạng thái bên ngoài Appearance - Màu sắc / Color - Mùi Vị / Odor & taste	QTTN/KT3 234:2019		-	Tinh thể màu trắng, kích thước tương đối đồng đều, toi khô, không vón cục/ White crystal, relatively same in size, dry, no curdle Tinh thể trắng óng ánh, khi pha vào nước cất cho dung dịch trong suốt Shine white crystal, clear solution when adding in water Tinh thể đường hoặc dung dịch đường trong nước có vị ngọt, không có mùi vị lạ Sugar crystal or sugar solution in water is sweet, free from foreign odor & taste
7.2. Độ Pol ở 20°C Polarization at 20°C	GS 1/2/3/9 - 1 (2011) ICUMSA		-	99,9

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet

KT3-09443ATP3/2-6

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

09/01/2024
Page 03/04

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.3. Độ màu ICUMSA, IU Color	TCVN 6333:2010		-	20,1
7.4. Độ ẩm, g/100 g Moisture content	GS 2/1/3/9 - 15 (2007) ICUMSA		-	$1,30 \times 10^{-2}$
7.5. Hàm lượng tro dẫn điện, g/100 g Conductivity ash content	GS 2/3/9 - 17 (2011) ICUMSA		-	$6,00 \times 10^{-3}$
7.6. Hàm lượng đường khử, g/100 g Reducing sugar content	GS 2/3/9 - 5 (2011) ICUMSA		-	$1,40 \times 10^{-2}$
7.7. Hàm lượng sunphua dioxyt (SO ₂), mg/kg Sulfur dioxide content	GS 2/1/7/9 - 33 (2011) ICUMSA		-	0,74
7.8. Hàm lượng tạp chất không tan, mg/kg Insoluble matter content	GS 2/3/9 - 19 (2007) ICUMSA		-	2,53
7.9. Kích cỡ hạt trung bình, mm Average size	GS 2/9 - 37 (2007) ICUMSA		-	0,34
7.10. Cỡ hạt, mm Particle size	GS 2/9 - 37 (2007) ICUMSA		-	
• Qua rây/ Through 1 mm				100

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet

KT3-09443ATP3/2-6

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

09/01/2024
Page 04/04

7. Kết quả thử nghiệm Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.11. Năng lượng ^(*) /Calories • kcal/100 g • kJ/100 g	QTTN/KT3 024:2018		-	4,00 x 10 ² 1,67 x 10 ³
7.12. Hàm lượng carbohydrate tính theo khối lượng, % Carbohydrate content (m/m)	QTTN/KT3 317:2022		-	100

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-09445ATP3/1-2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

04/01/2024
Page 01/03

- Tên mẫu
Name of sample : ĐƯỜNG TINH LUYỆN REFINED SUGAR
NSX/MFG: 11/12/2023
- Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu đựng trong bao bì ép kín.
As received sample is contained in sealed package.
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 27/12/2023
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 28/12/2023 - 04/01/2024
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA
Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh
- Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / *See page 02,03/03*

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet*

KT3-09445ATP3/1-2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

04/01/2024

Page 02/03

7. Kết quả thử nghiệm / Test results:

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Giá trị tham chiếu ⁽¹⁾ (Reference value)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật, Pesticide content mg/kg				
• 2,4-D	EN 15662:2018	0,01	Không lớn hơn 0,05 No more than	Không phát hiện Not detected
• Aldicarb	EN 15662:2018	0,01	Không lớn hơn 0,1 No more than	Không phát hiện Not detected
• Azinphos – methyl	EN 15662:2018	0,01	Không lớn hơn 0,2 No more than	Không phát hiện Not detected
• Carbofuran	EN 15662:2018	0,01	Không lớn hơn 0,1 No more than	Không phát hiện Not detected
• Clothianidin	QTTN/KT3 272:2020	0,005	Không lớn hơn 0,4 No more than	Không phát hiện Not detected
• Cyhalothrin (bao gồm Lambda – cyhalothrin)	EN 15662:2018	0,05	Không lớn hơn 0,05 No more than	Không phát hiện Not detected
• Cypermethrin (bao gồm alpha- và zeta- cypermethrin)	EN 15662:2018	0,05	Không lớn hơn 0,2 No more than	Không phát hiện Not detected

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet

KT3-09445ATP3/1-2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

04/01/2024

Page 03/03

7. Kết quả thử nghiệm / Test results:

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Giá trị tham chiếu ⁽¹⁾ (Reference value)	Kết quả thử nghiệm Test result
• Chlorantraniliprole	EN 15662:2018	0,005	Không lớn hơn 0,5 No more than	Không phát hiện Not detected
• Dicamba	QTTN/KT3 272:2020	0,05	Không lớn hơn 1 No more than	Không phát hiện Not detected
• Ethoprophos	EN 15662:2018	0,01	Không lớn hơn 0,02 No more than	Không phát hiện Not detected
• Glyphosate	QTTN/KT3 274:2020	0,005	Không lớn hơn 2 No more than	Không phát hiện Not detected
• Imazapic	QTTN/KT3 272:2020	0,005	Không lớn hơn 0,01 No more than	Không phát hiện Not detected
• Isoxaflutole	QTTN/KT3 272:2020	0,005	Không lớn hơn 0,01 No more than	Không phát hiện Not detected
• Mesotrione	QTTN/KT3 272:2020	0,005	Không lớn hơn 0,01 No more than	Không phát hiện Not detected
• Novaluron	EN 15662:2018	0,005	Không lớn hơn 0,5 No more than	Không phát hiện Not detected
• Propiconazole	EN 15662:2018	0,01	Không lớn hơn 0,02 No more than	Không phát hiện Not detected
• Tebufenozide	EN 15662:2018	0,01	Không lớn hơn 1 No more than	Không phát hiện Not detected
• Trinexapac-ethyl	QTTN/KT3 272:2020	0,0025	Không lớn hơn 0,5 No more than	Không phát hiện Not detected

Ghi chú/Notes: (1): Quy định theo/ Defined in Thông tư 50/2016/TT-BYT (nhóm mía) theo yêu cầu khách hàng.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rg.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rg.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.